

Số: **605** /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày **09** tháng 05 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch đấu thầu của Viện Di truyền nông nghiệp

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-BNN-TC ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tài chính;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH 11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn Nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15/06/2007, Thông tư số 131/2007/TT-BTC ngày 5/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước; Thông tư số 11/2010/TT-BKH ngày 27/5/2010 của Bộ Kế hoạch Đầu tư quy định chi tiết về chào hàng cạnh tranh;

Căn cứ Dự toán năm 2011 đã được phê duyệt của đề tài Nghị định thư “Hợp tác nghiên cứu phát triển nguồn gen lúa bản địa với Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào” của Viện Di truyền nông nghiệp;

Xét Tờ trình số: 111/TT-VĐT ngày 06/05/2011 của Viện Di truyền nông nghiệp v/v xin phê duyệt Kế hoạch đấu thầu và hồ sơ kèm theo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Kế hoạch đấu thầu với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu:

1.1. Gói thầu số 1: Cung cấp hoá chất, vật liệu, dụng cụ cho đề tài: “Hợp tác nghiên cứu phát triển nguồn gen lúa bản địa với Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào”

1.2. Gói thầu số 2: Cung cấp máy móc thiết bị cho đề tài: “Hợp tác nghiên cứu phát triển nguồn gen lúa bản địa với Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào”

2. Giá gói thầu:

2.1. Gói thầu số 1: Giá gói thầu (Bao gồm cả VAT): 246.590.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng);

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

2.2. Gói thầu số 2: Giá gói thầu (bao gồm cả VAT và cước phí vận chuyển đến Lào): 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng)
(Danh mục chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

3. Nguồn vốn:

Kinh phí đề tài “Hợp tác nghiên cứu phát triển nguồn gen lúa bản địa với Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào” năm 2011 đã được phê duyệt.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu

- a. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh
- b. Phương thức đấu thầu: 01 (một) túi hồ sơ
- c. Ủy quyền cho Viện trưởng Viện Di truyền nông nghiệp phê duyệt Quyết định thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu theo qui định của Luật Đấu thầu;
- d. Ủy quyền cho Viện trưởng Viện Di truyền nông nghiệp lập và phê duyệt Hồ sơ mời thầu/yêu cầu và Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
- e. Địa điểm thực hiện: Viện trưởng Viện Di truyền nông nghiệp, đường Phạm Văn Đồng, Hà Nội.

5. Thời gian lựa chọn nhà thầu: Không quá 15 ngày kể từ khi mở thầu.

6. Hình thức hợp đồng:

- a. Hình thức hợp đồng: trọn gói.
- b. Hình thức thanh toán: theo qui định.

7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày, kể từ ngày kí hợp đồng.


Điều 2: Giao cho Viện trưởng Viện Di truyền nông nghiệp tổ chức đấu thầu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Viện trưởng Viện Di truyền nông nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TC.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH
ĐINH THỊ PHƯƠNG



Phụ lục 1: Danh mục hóa chất, dụng cụ thí nghiệm

(Kèm theo Quyết định số 605 /QĐ-BNN-TC ngày 09/05/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

Đề tài: *Tạo giống lúa mới từ nguồn gen lúa bản địa với Cộng hòa dân chủ Nhân dân Việt Nam*



TT	Hóa chất	Đơn vị tính	Số lượng
1	SDS	lọ 100g	1
2	CTAB	lọ 1kg	1
3	RNase	lọ 100g	1
4	Ethidium bromide	lọ	1
5	Bromo phenol blue	5gam/lọ	2
6	Phenol	lọ 400ml	1
7	Enzym Taq	lọ 500U	3
8	dNTPs	100mM	1
9	PCR buffer	lọ	7
10	Môi PCR	môi	45
11	1kb ladder	100ug/ul	1
12	Acrylamide	500 g/lọ	1
13	Bis-Acrylamid	lọ 100g	2
14	TEMED	lọ 30ml	1
15	Sigmacote	lọ 100g	1
16	AgNO ₃	lọ 100g	1
17	Formaldehyde	lọ	1
18	Ethanol	lít	1
19	Acide acetic	lít	1
20	NH ₄ NO ₃	kg	3
21	KNO ₃	kg	3
22	MgSO ₄ .7H ₂ O	kg	3
23	MnSO ₄ .4H ₂ O	kg	1
24	ZnSO ₄	kg	1
25	CuSO ₄ . 5 H ₂ O	kg	1
26	CaCl ₂ . 2H ₂ O	kg	3
27	KI	kg	1
28	CoCl ₂ . 2H ₂ O	kg	1
29	KH ₂ PO ₄	kg	5
30	H ₃ BO ₃	kg	1
31	Na ₂ MoO ₄ . 2H ₂ O	kg	1
32	FeSO ₄ . 7H ₂ O	kg	1
33	Na ₂ EDTA	kg	1
34	(NH ₄) ₂ SO ₄	kg	3
35	Nicotinic acide	lọ 100g	1

36	Pyridoxine HCl	lọ 100g	1
37	Thiamine HCl	lọ 100g	1
38	Glycin	lọ 100g	1
39	Myoinositol	lọ 100g	1
40	2,4 D	lọ 100g	1
41	NAA	lọ 60g	1
42	IAA	lọ 50mg	3
43	BA	lọ 5g	3
44	Aga	kg	6
45	Succrose	kg	1
46	Kinetin	5g	4
47	Than hoạt tính	kg	1
48	Maltose	kg	7
49	Glucose	kg	10
50	Cồn đốt	lít	100
51	Oxi già	lít	6
Dụng cụ phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng			
1	Đầu côn 10 ml (túi 1000 c)	Túi	4
2	Đầu côn loại 200 ml (túi 1000 c)	túi	4
3	Đầu côn loại 100 ml (túi 1000 c)	túi	4
4	Eppendorf 1,5 ml (túi 1000c)	túi	2
5	Eppendorf 2 ml (túi 1000c)	túi	4
6	Eppendorf 0,2 ml 8cái/dây	120dây/túi	7
7	Eppendorf 0,5 ml (túi 1000c)	túi	4
8	ống Falcon 15 ml (túi 25 cái)	túi	4
9	ống Falcon 50 ml (túi 25 cái)	túi	4
10	PCR plates (96 giếng; 25c/h; 0,5; 1,5; 2ml)	hộp	2
11	Khay để ốngPCR (0,2ml, 0,5ml)	chiếc	4
12	Khay lạnh để mix mẫu(PCRcooler0,2-0,5)	chiếc	4
13	Găng tay (hộp 50 đôi)	hộp	12
14	Parafin	cuộn	4
15	Pipetman (1ml, 200ul, 100ul, 20ul, 10ul)	bộ	1

11

Phụ lục 2: Danh mục máy móc thiết bị

(Kèm theo Quyết định số **605** /QĐ-BNN-TC ngày **09/05/2011** của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

Đề tài: **Hiện tượng biến đổi gen lúa bản địa với Cộng hòa dân chủ Nhân dân Việt Nam**



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Tủ âm	Cái	1
2	Tủ sấy	Cái	1
3	Máy soi UV	Cái	1
4	Máy cất nước 2 lần	Cái	1
5	Điện di gen acrylamid	Cái	1
6	Tủ lạnh sâu	Cái	1
7	Nồi khử trùng	Cái	1
8	Cân phân tích	Cái	1
9	Máy đo PH để bàn	Cái	1

Handwritten mark

